

Bản án số: 71/2022/HS-ST

Ngày 22/11/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Thế Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Tiến Chính - Cán bộ hưu;

- Ông Nguyễn Văn Thụ - Cán bộ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn T - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 63/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/HSST-QĐ ngày 01/11/2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: Đỗ Văn H, sinh năm 1995; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; nơi cư trú: thôn H1, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: Lớp 9/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; bố đẻ: Đỗ Văn TH, sinh năm 1970; mẹ đẻ: Lê Thị M, sinh năm 1970; gia đình Bị cáo có 02 anh em ruột, bản thân là con thứ 2 trong gia đình; vợ: Phạm Thị Y, sinh năm 1996 (đã ly hôn); bị cáo có 01 con, sinh năm 2015.

- Nhân thân:

+) Bản án số 57/2022/HSST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xử phạt Đỗ Văn H 02 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy, 03 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và 07 năm 06 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt, H phải chấp H là: 12 năm 06 tháng tù (bản án đang bị kháng cáo).

+) Bản án số 44/2022/HSST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xử phạt Đỗ Văn H 18 tháng tù về tội "Tàng trữ vũ khí quân dụng". Tổng hợp với 02 năm tù của bản án số 55/2018/HSST ngày 02/11/2018 về tội "Buôn bán hàng cấm". Buộc bị cáo phải chấp H hình phạt chung là 03 năm 06 tháng tù.

- Tiền án: Bản án số 55/2018/HSST ngày 02/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xử phạt Đỗ Văn H 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm kể từ ngày tuyên án (02/11/2018).

- Tiền sự: Không.

- Bị cáo bị tạm giam trong vụ án khác, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Thân Văn Q, sinh năm 1985

Địa chỉ: đường G, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1994

Địa chỉ: TDP M, Thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

3. Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ1, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

4. Anh Lương Ngọc M, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn D, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang

5. Anh Lâm Văn H3, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn H4, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

6. Anh Phạm Văn Th, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn G, xã Kh, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

7. Anh Lê Quang M, sinh năm 1995

Địa chỉ: TDP G1, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

8. Anh Trương Văn H, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn S 1, xã Th, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

9. Anh Phạm Văn B, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Đồi G1, xã Ch, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

10. Anh Vi Văn T1, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ngh, huyện L, tỉnh Bắc Giang;

11. Anh Phan Đức C

Địa chỉ: xã Ch, huyện L, tỉnh Bắc Giang;

12. Anh Lê Công U, sinh năm 1957

Địa chỉ: xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang;

13. Anh Hoàng Văn D, sinh năm 1993

Địa chỉ: Th2, huyện L, tỉnh Bắc Giang;

(Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/4/2022, Công an huyện Lục Nam bắt quả tang Đỗ Văn H, sinh năm 1995, HKTT tại thôn H1, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang đang có hành vi "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" cho 06 đối tượng (đã bị xử lý trong vụ án khác) tại nhà nghỉ H T (do H quản lý) tại thôn M, xã Ch, huyện L. Quá trình khám xét Công an huyện Lục Nam thu giữ tại nhà nghỉ gồm:

- 01 giấy vay tiền đề ngày 02/10/2020, người vay tiền là Nguyễn Thùy D, sinh năm 1993, trú tại xã L1, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Đánh số thứ tự 01);

- 01 giấy ký nhận lĩnh tiền không đề ngày, người vay tiền là Nguyễn Thùy D, sinh năm 1993, trú tại xã L1, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Đánh số thứ tự 02);

- 01 giấy vay tiền đề ngày 30/4/2021, người vay Nguyễn Thùy D, sinh năm 1993, trú tại xã L1, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Đánh số thứ tự 03);

- 01 giấy vay tiền đề ngày 05/02/2021, người vay Nguyễn Thùy D, sinh năm 1993, trú tại xã L1, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Đánh số thứ tự 04);

- 01 giấy vay tiền đề ngày 20/4/2021, người vay Nguyễn Thùy D, sinh năm 1993, trú tại xã L1, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Đánh số thứ tự 05);

- 01 giấy vay tiền đề ngày 01/9/2011 "Âm lịch" có chữ ký của người cho vay Phan Văn T1 được UBND xã T chứng thực sao đúng bản chính (Đánh số thứ tự 06);

- 01 giấy ủy quyền không đề ngày, có chữ ký của bên ủy quyền là Tăng Thị Sáng và bên được ủy quyền là Đỗ Văn H (Đánh số thứ tự 07);

- 01 giấy ủy quyền đề ngày 23/3/2020, có chữ ký của bên ủy quyền là Phan Văn T1 và bên được ủy quyền là Đỗ Văn H, được UBND xã T ký xác nhận (Đánh số thứ tự 08);

- 01 giấy vay tiền đề ngày 01/9/2011 "Âm lịch", người vay là Vũ Văn S (Đánh số thứ tự 09);

- 01 giấy vay tiền đề ngày 28/9/2020, người vay tiền Nguyễn Thùy D, trú tại xã L1, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Đánh số thứ tự 10);
- 01 giấy ký nhận lĩnh tiền đề ngày 28/9/2020, người vay tiền Nguyễn Thùy D, sinh năm 1993, trú tại xã L1, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Đánh số thứ tự 11);
- 01 giấy bán (cho, tặng) xe ô tô, mô tô, xe máy đề ngày 25/3/2022, người bán Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1994, trú tại Mỹ, Thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang (Đánh số thứ tự 12);
- 01 giấy bán (cho, tặng) xe ô tô, mô tô, xe máy không đề ngày, người bán Nguyễn Văn H2, sinh năm 1986, trú tại xã Đ1, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (Đánh số thứ tự 13);
- 01 giấy vay tiền đề ngày 18/3/2022, người vay tiền Nguyễn Văn Kh, trú tại thôn H, xã Ch, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Đánh số thứ tự 14);
- 01 giấy vay tiền đề ngày 05/3/2022, người vay tiền Lương Ngọc M, sinh năm 1996, trú tại thôn D, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Đánh số thứ tự 15);
- 01 giấy vay tiền đề ngày 18/11/2021, người vay tiền Lương Ngọc M, sinh năm 1996, trú tại thôn D, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Đánh số thứ tự 16);
- 01 giấy vay tiền đề ngày 29/02/2022, người vay tiền Lâm Văn H3, sinh năm 1983, trú tại thôn H4, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Đánh số thứ tự 17);
- 01 giấy vay tiền đề ngày 30/6/2021, người vay tiền Nguyễn Văn Việt, sinh năm 1991, trú tại xã Ph, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Đánh số thứ tự 18);
- 01 giấy vay tiền đề ngày 04/3/2022 người vay tiền Phạm Văn Th, sinh năm 1996, trú tại thôn G, xã Kh, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Đánh số thứ tự 19);
- 01 giấy vay tiền đề ngày 17/2/2022, người vay tiền Lê Q M, sinh năm 1995, trú tại TDP G1, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Đánh số thứ tự 20);
- 01 giấy vay tiền không đề ngày, người vay tiền Trương Văn H, trú tại xã Th, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Đánh số thứ tự 21);
- 01 giấy vay tiền không đề ngày, người vay tiền Lâm Văn H3, trú tại thôn H4, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Đánh số thứ tự 22);
- 01 giấy vay tiền không đề ngày có chữ ký ở mục người vay Nguyễn Đức C (Đánh số thứ tự 23);

- 01 giấy vay tiền đề ngày 25/11/2021, người vay tiền Phan Đình H, sinh năm 1995, trú tại thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Đánh số thứ tự 24);
- 01 giấy vay tiền không đề ngày, người vay tiền Phạm Văn B, sinh năm 1990, trú tại thôn Đồi G1, xã Ch, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Đánh số thứ tự 25);
- 01 giấy vay tiền đề ngày 17/9/2021, người vay tiền Vũ Anh T1, sinh năm 2000, trú tại thôn Gi, xã Th, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Đánh số thứ tự 26);
- 01 giấy vay tiền đề ngày 21 không đề tháng và năm, người vay tiền Lương Ngọc M, sinh năm 1996, trú tại xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Đánh số thứ tự 27);
- 01 giấy vay tiền đề ngày 21/9/2021, người vay tiền Lương Ngọc M, sinh năm 1996, trú tại xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Đánh số thứ tự 28);
- 01 giấy vay tiền đề ngày 10/10/2020, người vay tiền Giáp Văn T1, sinh năm 1994, trú tại thôn H1, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Đánh số thứ tự 29);
- 01 giấy vay tiền đề ngày 17/9/2021, người vay tiền Vũ Anh T1, sinh năm 2000, trú tại thôn Gi, xã Th, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Đánh số thứ tự 30);
- 01 giấy vay tiền đề ngày 5/6/2021, người vay tiền Lê Văn Ch, sinh năm 1990, trú tại huyện L2, tỉnh Bắc Giang (Đánh số thứ tự 31);
- 01 giấy vay tiền không đề ngày, người vay tiền Thân Văn Q, sinh năm 1985, trú tại đường Gi, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Đánh số thứ tự 32);
- 01 giấy vay tiền đề ngày 9/4/2020, người vay tiền Nguyễn Văn H2, sinh năm 1986, trú tại xã Đ1, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (Đánh số thứ tự 33);
- 01 giấy vay tiền đề ngày 25/3/2022, người vay tiền Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1994, trú tại M, Thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang (Đánh số thứ tự 34);
- 01 chứng M thư nhân dân mang tên Vi Văn T1, sinh năm 1989, trú tại Ngh, L, Bắc Giang;
- 01 chứng M thư nhân dân mang tên Phan Đức C, trú tại xã Ch, L, Bắc Giang;
- 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 98F1-186.52 mang tên Lê Công U, sinh năm 1957, trú tại xã T, L, Bắc Giang;
- 01 chứng M thư nhân dân và 01 giấy phép lái xe đều mang tên Thân Văn Q, sinh năm 1985, đường Gi, phường D, thành phố B, Bắc Giang;

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 98F1-186.52 mang tên Lê Công U, sinh năm 1993, trú tại Th2, huyện L, tỉnh Bắc Giang;

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang biển kiểm soát 98F1-312.59 mang tên Hoàng Văn D, sinh năm 1993, trú tại Th2, huyện L, tỉnh Bắc Giang (BL 120-124).

Cùng ngày, Công an tỉnh Bắc Giang tiếp nhận được đơn tố giác của anh Thân Văn Q, sinh năm 1985 trú tại đường Gi, phường D, thành phố B tố giác Đỗ Văn H có hành vi "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Sau khi tiếp nhận đơn, Công an tỉnh Bắc Giang đề nghị Cơ quan điều tra Công an huyện Lục Nam chuyển những tài liệu nêu trên cho Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bắc Giang để điều tra theo thẩm quyền.

Kết quả điều tra xác định được như sau: Đỗ Văn H là người đã có tiền án về tội "Buôn bán hàng cấm", để có tiền chi tiêu H đã mượn nhà nghỉ của anh trai là Đỗ Văn T, sinh năm 1991 tại thôn M, xã Ch, huyện L lấy tên là "H T" để đăng ký kinh doanh, mở dịch vụ cầm đồ, mua bán ô tô, nhà nghỉ, lưu trú. Lợi dụng việc đăng ký kinh doanh, H đã đứng ra cho vay lãi nặng, khi người vay có nhu cầu vay tiền thì H sẽ trực tiếp đứng ra cho vay bằng hình thức khách sẽ viết giấy bán (cho, tặng) ô tô xe máy, giấy vay tiền và giao lại tài sản hoặc các giấy tờ cá nhân cho H giữ, tiền lãi sẽ được H trừ trực tiếp vào số tiền vay. Đến hạn thanh toán, người vay sẽ trả tiền trực tiếp cho H hoặc chuyển khoản qua tài khoản Ngân hàng số tài khoản 1234226226226 của Ngân hàng MB Bank mang tên Đỗ Văn H. Trong khoảng thời gian từ ngày 29/02/2020 đến 09/4/2022, Đỗ Văn H đã cho những người vay vay tiền với lãi suất từ 109,5%/năm đến 365%/năm (cao hơn 05 lần mức lãi suất cao nhất 20%/năm quy định của Bộ luật dân sự), cụ thể:

1. Đối với người vay là anh Thân Văn Q, sinh năm 1985 trú tại đường Gi, phường D, thành phố B.

Do có nhu cầu vay tiền để phục vụ chi tiêu cá nhân, ngày 05/03/2022, anh Thân Văn Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Lead, biển số 98F1-102.68 đến nhà nghỉ "H T" tại thôn M, xã Ch, huyện L để thỏa thuận thế chấp xe mô tô trên vay của H số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 ngày (từ ngày 05/3/2022 đến 15/3/2022), H đồng ý cho vay với lãi suất 10.000 đồng/1 triệu/ngày (tương ứng lãi suất 365%/năm), H thu trước tiền lãi là 1.000.000 đồng, số tiền này được trừ vào số tiền gốc anh Q vay, H đưa cho anh Q số tiền 9.000.000 đồng, hai bên không lập giấy tờ vay tiền mà anh Q chỉ thế chấp để lại xe mô tô biển số 98F1-102.68 cho H. Đến ngày 08/03/2022, anh Q

đã trả đủ cho H số tiền lãi và số tiền gốc 10.000.000 đồng và nhận lại xe mô tô biển số 98F1-102.68.

Như vậy, tổng số tiền lãi anh Q phải trả cho H là 1.000.000 đồng. Căn cứ vào Điều 468 Bộ luật dân sự thì số tiền lãi H được hưởng là $(20\% \times 10.000.000 \div 365) \times 10 = 54.794$ đồng. Do đó, tiền H thu lời bất chính là 945.206 đồng.

Ngày 10/3/2022, anh Q tiếp tục mang xe mô tô biển số 98F1-102.68 đến nhà nghỉ "H T" để thỏa thuận thế chấp xe mô tô trên vay của H số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 ngày (từ ngày 10/03/2022 đến 20/03/2022), H đồng ý cho vay với lãi suất 10.000 đồng/1 triệu/ngày (tương ứng lãi suất 365%/năm), H thu trước tiền lãi là 1.000.000 đồng, số tiền này được trừ vào số tiền gốc anh Q vay, H đưa cho anh Q mẫu giấy vay tiền mà H chuẩn bị sẵn và yêu cầu anh Q điền đầy đủ thông tin vào giấy vay tiền rồi anh Q ký tên, điền chỉ vào dưới mục người vay tiền (ký hiệu A3), đồng thời để lại xe mô tô biển số 98F1-102.68, chứng M thư nhân dân và giấy phép lái xe cho H. H đưa cho anh Q số tiền 9.000.000 đồng. Đến ngày 20/03/2022, do chưa có tiền trả cho H nên anh Q đến nhà nghỉ "H T" để thỏa thuận gia hạn khoản vay trên thêm 10 ngày (từ ngày 20/3/2022 đến 30/3/2022), H đồng ý cho gia hạn số tiền trên với lãi suất 5.000 đồng/ 1 triệu/ngày (tương ứng lãi suất 182,5%/năm), H thu trước tiền lãi 500.000 đồng. Đến hạn, anh Q đã trả đủ cho H số tiền gốc 10.000.000 đồng và nhận lại xe mô tô biển số 98F1-102.68.

Như vậy, tổng số tiền lãi anh Q phải trả cho H là 1.500.000 đồng. Căn cứ vào Điều 468 Bộ luật dân sự thì số tiền lãi H được hưởng là $(20\% \times 10.000.000 \div 365) \times 10 \times 2 = 109.588$ đồng. Do đó, tiền H thu lời bất chính là 1.390.412 đồng.

Tổng số tiền H thu lời bất chính đối với các khoản vay của anh Q là 2.335.618 đồng.

2. Đối với người vay là anh Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1994 trú tại TDP M, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Anh Nguyễn Văn Kh và anh Thân Văn Q, sinh năm 1985 trú tại đường Gi, phường D, thành phố B là bạn bè, quen biết. Do đang có nhu cầu vay tiền và được anh Q giới thiệu nên ngày 25/03/2022, anh Kh điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Toyota, loại Corolla, biển số 30A-091.31 đến nhà nghỉ "H T" để thỏa thuận thế chấp xe ô tô trên vay của H số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 15 ngày (từ ngày 25/03/2022 đến 09/4/2022), H gọi điện cho Lê Văn T, sinh năm 1992 trú tại thôn H1, xã T, huyện L (là bạn H) xuống nhà nghỉ "H T", sau khi kiểm tra xe H đồng ý cho anh Kh vay với lãi suất 4.000 đồng/ 1 triệu/ngày (tương ứng với lãi suất 146%/năm), H thu lãi trước là 9.000.000 đồng, số tiền

này được trừ vào số tiền gốc anh Kh vay. H đưa cho anh Kh mẫu giấy bán (cho, tặng) xe mô tô, ô tô và vay tiền mà H chuẩn bị sẵn rồi Lê Văn T hướng dẫn anh Kh điền đầy đủ thông tin vào giấy bán xe, giấy vay tiền đề ngày 25/03/2022 rồi anh Kh ký tên, điểm chỉ vào dưới mục người bán xe (có anh Q ký người làm chứng) và người vay tiền (H ký vào dưới mục người cho vay, anh Q ký người làm chứng), (ký hiệu A1, A5). Sau đó, H yêu cầu anh Kh cầm đọc để H dùng điện thoại di động Iphone 11 Promax quay lại nội D. H đưa cho anh Kh số tiền 141.000.000 đồng (sau khi đã cắt lãi), anh Kh nhận tiền rồi cùng anh Q ra về để lại chiếc xe ô tô biển số 30A-091.31 cho H giữ. H nhờ Lê Văn T mang chiếc xe ô tô trên về nhà T cất giấu. Sau đó, H đã trích cho T số tiền 6.000.000 đồng từ số tiền lãi đã thu của anh Kh. Đến ngày 09/4/2022, anh Kh tiếp tục đến gặp H để thỏa thuận gia hạn khoản vay thêm 15 ngày, H đồng ý cho gia hạn với lãi suất 4.000 đồng/1 triệu/ngày (tương ứng với mức lãi suất là 146%/năm), H yêu cầu anh Kh phải đóng lãi trước, sau đó anh Kh đã sử dụng số tài khoản 6868866688 của Ngân hàng MB bank mang tên Nguyễn Văn Kh chuyển khoản vào số tài khoản 1234226226226 Ngân hàng MB bank mang tên Đỗ Văn H số tiền 9.000.000 đồng. Đến nay, anh Kh chưa trả cho H số tiền gốc là 150.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi anh Kh phải trả cho H là 18.000.000 đồng. Căn cứ vào Điều 468 Bộ luật dân sự thì số tiền lãi H được hưởng là $(20\% \times 150.000.000 \div 365) \times 30 = 2.465.753$ đồng. Do đó, tiền H thu lời bất chính là 15.534.246 đồng.

3. Đối với người vay là anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1986 trú tại thôn Đ, xã Đ1, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

Anh Nguyễn Văn H2 và anh Thân Văn Q, sinh năm 1985 trú tại đường Gi, phường D, tH phố Bắc Giang là bạn bè, quen biết. Do đang có nhu cầu vay tiền và được anh Q giới thiệu nên ngày 09/4/2022, anh H2 điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, loại Tucson, biển số 98A-171.68 đến nhà nghỉ "H T" để thỏa thuận thế chấp xe ô tô trên vay của H số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay là 15 ngày, H gọi điện cho Lê Văn T, sinh năm 1992 trú tại thôn H1, xã T, huyện L (là bạn H) xuống nhà nghỉ "H T", sau khi kiểm tra xe H đồng ý cho anh H2 vay với lãi suất 4.000 đồng/1 triệu/ngày (tương ứng với lãi suất 146%/năm), H thu lãi trước là 24.000.000 đồng, số tiền này được trừ vào số tiền gốc anh H2 vay. H đưa cho anh H2 mẫu giấy bán (cho, tặng) xe mô tô, ô tô và vay tiền mà H chuẩn bị sẵn rồi Lê Văn T hướng dẫn anh H2 điền đầy đủ thông tin vào giấy bán xe, giấy vay tiền rồi anh H2 ký tên, điểm chỉ vào dưới mục người bán xe và người vay tiền, (ký hiệu A2, A4). Sau đó, H yêu cầu anh H2 cầm đọc để H dùng điện thoại di động Iphone 11 Promax quay lại nội D. H

đưa cho anh H2 số tiền mặt là 6.000.000 đồng và chuyển vào số tài khoản "6261986888888" ngân hàng MB bank của anh H2 số tiền 370.000.000 đồng (sau khi đã cắt lãi), do anh H2 cần tiền mặt nên đã chuyển khoản số tiền 370.000.000 đồng vào số tài khoản "6199299999999" ngân hàng MB bank của Lê Văn T rồi T đưa cho anh H2 số tiền mặt 370.000.000 đồng, anh H2 nhận tiền rồi cùng anh Q ra về để lại chiếc xe ô tô biển số 98A-171.68 cho H giữ. H nhờ Lê Văn T mang chiếc xe ô tô trên về nhà T cất giấu. Đến nay, anh H2 chưa trả cho H số tiền gốc là 400.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi anh H2 phải trả cho H là 24.000.000 đồng. Căn cứ vào Điều 468 Bộ luật dân sự thì số tiền lãi được hưởng là $(20\% \times 400.000.000 \div 365) \times 15 = 3.287.671$ đồng. Do đó, tiền thu lời bất chính là 20.712.232 đồng.

4. Đối với người vay là anh Lương Ngọc M, sinh năm 1996 trú tại thôn D, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang

Đỗ Văn H và anh Lương Ngọc M có mối quan hệ quen biết. Trong khoảng thời gian từ ngày 07/9/2021 đến ngày 18/11/2021, H đã 02 lần thỏa thuận cho anh M vay tiền, có tính lãi suất, cụ thể:

- Ngày 07/9/2021, tại thôn H1, xã T, huyện L, H thỏa thuận cho anh M vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, với lãi suất 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày (tương ứng với lãi suất 146%/năm), H thu lãi trước số tiền 2.400.000 đồng, số tiền này được trừ trực tiếp vào khoản vay, H đưa cho anh M số tiền 17.600.000 đồng. H đưa cho anh M mẫu giấy vay tiền và anh M điền các thông tin vào giấy vay tiền rồi ký, điểm chỉ dưới mục người vay tiền, còn H ký dưới mục người cho vay (ký hiệu A11). Đến nay, anh M đã trả cho H số tiền gốc là 20.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi anh M phải trả cho H là 2.400.000 đồng. Căn cứ vào Điều 468 Bộ luật dân sự thì số tiền lãi được hưởng là $(20\% \times 20.000.000 \div 365) \times 30 = 328.767$ đồng. Do đó, tiền thu lời bất chính là 2.071.232 đồng.

- Ngày 21/9/2021, tại thôn H1, xã T, huyện L, H thỏa thuận cho anh M vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, với lãi suất 3.500 đồng/1 triệu/1 ngày (tương ứng với lãi suất 127,75%/năm), H thu lãi trước số tiền 5.250.000 đồng, số tiền này được trừ trực tiếp vào khoản vay, H đưa cho anh M số tiền 44.750.000 đồng. H đưa cho anh M mẫu giấy vay tiền đề ngày 21/9/2021 và anh M điền các thông tin vào giấy vay tiền rồi ký, điểm chỉ dưới mục người vay tiền, còn H ký dưới mục người cho vay (ký hiệu A12). Đến nay, anh M đã trả cho H số tiền gốc là 50.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi anh M phải trả cho H là 5.250.000 đồng. Căn cứ vào Điều 468 Bộ luật dân sự thì số tiền lãi được hưởng là $(20\% \times 50.000.000 \div 365) \times 30 = 821.917$ đồng. Do đó, tiền thu lời bất chính là 4.428.082 đồng.

- Ngày 18/11/2021, tại thôn H1, xã T, huyện L, H thỏa thuận cho anh M vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm (từ ngày 18/11/2021 đến 18/11/2022), với lãi suất 3.500 đồng/1 triệu/1 ngày (tương ứng với lãi suất 127,75%), H thu lãi trước số tiền 15.750.000 đồng, số tiền này được trừ trực tiếp vào khoản vay, H đưa cho anh M số tiền 134.250.000 đồng. H đưa cho anh M mẫu giấy vay tiền đề ngày 18/11/2021 và anh M điền các thông tin vào giấy vay tiền rồi ký, điểm chỉ dưới mục người vay tiền, còn H ký dưới mục người cho vay (ký hiệu A10). H khai từ đó đến thời điểm bị bắt (ngày 12/4/2022), anh M đã trả cho H thêm 15.750.000 đồng tiền lãi, tổng số tiền lãi anh M trả cho H là 31.500.000 đồng. Anh M khai đã trả lãi cho H đến tháng 3/2022 (bằng tiền mặt và chuyển khoản) nhưng anh không nhớ cụ thể bao nhiêu. Quá trình điều tra, anh M đi xuất khẩu lao động tại Đoàn Loan không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra chưa thể tiến H cho H và anh M đối chất về nội D trên. Đến nay, anh M chưa trả cho H số tiền gốc là 150.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi anh M phải trả cho H với 145 ngày là 76.125.000 đồng. Căn cứ vào Điều 468 Bộ luật dân sự thì số tiền lãi được hưởng là $(20\% \times 150.000.000 \div 365) \times 145 = 11.917.808$ đồng. Do đó, tiền thu lời bất chính là 64.207.191 đồng.

- Ngày 05/3/2022, H thỏa thuận cho anh M vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng (từ ngày 05/3/2022 đến 05/4/2022), với lãi suất 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày (tương ứng với lãi suất 146%), H thu lãi trước số tiền 6.000.000 đồng, số tiền này được trừ trực tiếp vào khoản vay, H đưa cho anh M số tiền 44.000.000 đồng. H đưa cho anh M mẫu giấy vay tiền đề ngày 05/3/2022 và anh M điền các thông tin vào giấy vay tiền rồi ký, điểm chỉ dưới mục người vay tiền, còn H ký dưới mục người cho vay (ký hiệu A9). Đến ngày 05/4/2022, do chưa có tiền trả nên anh M tiếp tục đến gặp H để thỏa thuận gia hạn khoản vay nêu trên với thời hạn 01 tháng, lãi suất 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày, H thu trước tiền lãi là 6.000.000 đồng. Đến nay, anh M chưa trả cho H số tiền gốc là 50.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi anh M phải trả cho H là 12.000.000 đồng. Căn cứ vào Điều 468 Bộ luật dân sự thì số tiền lãi được hưởng là $(20\% \times 50.000.000 \div 365) \times 30 = 821.917$ đồng. Do đó, tiền thu lời bất chính là 11.178.083 đồng.

Tổng số tiền H thu lời bất chính đối với các khoản vay của anh M là 81.884.588 đồng.

- Ngoài các khoản vay trên, anh M khai ngày 15/8/2021, anh đến nhà ở của H tại thôn H1, xã T, huyện L để thỏa thuận vay của H số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất là 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày, H cắt lãi trước số tiền 2.400.000 đồng, H đưa cho M số tiền 17.600.000 đồng, khi vay hai bên có lập giấy vay tiền, anh M để lại chứng M thư nhân dân mang tên Lương Ngọc M. Đến ngày 15/9/2021, anh M đã trả cho H số tiền gốc và nhận lại chứng M thư nhân dân. H khai không cho anh M vay số tiền nêu trên. Quá trình điều tra, anh M đi xuất khẩu lao động tại Đoàn Loan không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra chưa thể tiến H cho H và anh M đối chất về nội D trên. Do đó, không có căn cứ để xử lý đối với H về khoản vay này.

5. Đối với người vay là anh Lâm Văn H3, sinh năm 1993 trú tại thôn H4, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang

Đỗ Văn H và anh Lâm Văn H3 có mối quan hệ quen biết. Do có nhu cầu vay tiền nên ngày 27/11/2020, anh H3 có đến nhà ở của H tại thôn H1, xã T để vay của H số tiền 200.000.000 đồng. Đến ngày 28/11/2020, anh H3 tiếp tục đến nhà H để vay của H số tiền 250.000.000 đồng, giữa H và anh H3 thỏa thuận là lập giấy vay tiền ngày 28/11/2020 với nội D anh H3 vay của H số tiền 450.000.000 đồng (gồm khoản tiền 200.000.000 đồng và 250.000.000 đồng), thời hạn vay là 22 ngày (thực tế chỉ tính 20 ngày), lãi suất 3.000 đồng/ 1 triệu/1 ngày (tương ứng với lãi suất 109,5%), H cắt lãi trước (chỉ tính lãi 20 ngày) số tiền 27.000.000 đồng, H đưa cho anh H3 mẫu giấy vay tiền đề ngày 29/02/2022 và anh H3 điền các thông tin vào giấy vay tiền rồi ký, điểm chỉ dưới mục người vay tiền, còn H ký dưới mục người cho vay (ký hiệu A18), H đưa cho anh H3 số tiền 223.000.000 đồng. Đến nay, anh H3 đã trả cho H số tiền gốc là 450.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi anh H3 phải trả cho H là 27.000.000 đồng. Căn cứ vào Điều 468 Bộ luật dân sự thì số tiền lãi được hưởng là $(20\% \times 450.000.000 \div 365) \times 20 = 4.931.506$ đồng. Do đó, tiền thu lời bất chính là 22.068.493 đồng.

Ngày 29/02/2022, anh H3 tiếp tục đến nhà nghỉ "H T" để thỏa thuận vay của H số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 20 ngày, lãi suất là 3.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày (tương ứng với lãi suất 109,5%), H cắt lãi trước số tiền 30.000.000 đồng và đưa cho anh H3 số tiền 470.000.000 đồng, H đưa cho anh H3 mẫu giấy vay tiền đề ngày 29/02/2022 và anh H3 điền các thông tin vào giấy vay tiền rồi ký, điểm chỉ dưới mục người vay tiền, còn H ký dưới mục

người cho vay (ký hiệu A13). Đến nay, anh H3 đã trả cho H số tiền gốc là 500.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi anh H3 phải trả cho H là 30.000.000 đồng. Căn cứ vào Điều 468 Bộ luật dân sự thì số tiền lãi được hưởng là $(20\% \times 500.000.000 \div 365) \times 20 = 5.479.452$ đồng. Do đó, tiền thu lãi bất chính là 24.520.547 đồng.

Tổng số tiền H thu lãi bất chính đối với các khoản vay của anh H3 là 46.589.040 đồng.

6. Đối với người vay là anh Phạm Văn Th, sinh năm 1996 trú tại thôn G, xã Kh, huyện L, tỉnh Bắc Giang

Đỗ Văn H và anh Phạm Văn Th có mối quan hệ quen biết. Do có nhu cầu vay tiền nên ngày 04/3/2022, anh Th đến nhà nghỉ "H T" và thỏa thuận vay của H số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng (từ ngày 04/3/2022 đến 04/6/2022), lãi suất là 3.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày (tương ứng với lãi suất 109,5%/năm), H thu lãi trước là 2.700.000 đồng được trừ trực tiếp vào khoản tiền vay, H đưa cho anh Th số tiền 27.300.000 đồng, H đưa cho anh Th mẫu giấy vay tiền đề ngày 04/3/2022 và anh Th điền các thông tin vào giấy vay tiền rồi ký, điểm chỉ dưới mục người vay tiền, còn H ký dưới mục người cho vay (ký hiệu A19). Đến nay, anh Th chưa trả cho H số tiền gốc là 30.000.000 đồng

Như vậy, tổng số tiền lãi anh Th phải trả cho H trong 39 ngày là 3.510.000 đồng. Căn cứ vào Điều 468 Bộ luật dân sự thì số tiền lãi được hưởng là $(20\% \times 30.000.000 \div 365) \times 39 = 641.095$ đồng. Do đó, tiền thu lãi bất chính là 2.868.904 đồng.

7. Đối với người vay là anh Lê Quang M, sinh năm 1995 trú tại TDP G1, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang

Đỗ Văn H và anh Lê Quang M có mối quan hệ quen biết. Do có nhu cầu vay tiền nên ngày 17/02/2022, anh M đến nhà nghỉ "H T" và thỏa thuận vay của H số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, H đưa cho anh M mẫu giấy vay tiền đề ngày 17/02/2022 và anh M điền các thông tin vào giấy vay tiền rồi ký, điểm chỉ dưới mục người vay tiền, còn H ký dưới mục người cho vay (ký hiệu A16). H khai khoản vay trên cho anh M vay với lãi suất là 3.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày (tương ứng với lãi suất 109,5%/năm), H thu lãi trước là 1.800.000 đồng được trừ vào số tiền gốc và đưa cho anh M số tiền 18.200.000 đồng. Anh M khai khoản tiền trên H tính lãi suất là 5.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày (tương ứng với lãi suất 182,5%/năm), H không thu lãi trước mà chuyển khoản số tiền vay vào số tài khoản "0339215442" ngân hàng MB bank của chị Phạm

Thị Kim O (vợ anh M). Sau đó, anh M đã sử dụng số tài khoản "0339215442" ngân hàng MB bank của chị Phạm Thị Kim O để chuyển khoản số tiền 23.000.000 đồng (gồm 20.000.000 đồng tiền gốc và 3.000.000 đồng tiền lãi) vào số tài khoản "1234226226226" ngân hàng MB bank của H. Đến nay, H khai anh M chưa trả thêm khoản lãi nào cho H, anh M khai đã trả cho H số tiền gốc là 20.000.000 đồng. Anh M từ chối đối chất với H và các bên giữ nguyên lời khai của mình.

Như vậy, tổng số tiền lãi anh M phải trả cho H là 1.800.000 đồng. Căn cứ vào Điều 468 Bộ luật dân sự thì số tiền lãi được hưởng là $(20\% \times 20.000.000 \div 365) \times 30 = 328.767$ đồng. Do đó, tiền thu lợi bất chính là 1.471.232 đồng.

8. Đối với người vay là anh Trương Văn H, sinh năm 1994 trú tại thôn S 1, xã Th, huyện L, tỉnh Bắc Giang

Đỗ Văn H và anh Trương Đình H có mối quan hệ quen biết. Anh H khai do có nhu cầu vay tiền nên ngày 09/02/2021 tại quán nước gần ngã tư thân, thị trấn Đ, huyện L anh H đã thỏa thuận vay của H số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất là 8.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày (tương ứng với lãi suất 292%/năm), H cắt lãi trước số tiền 4.800.000 đồng và đưa cho anh H số tiền 15.200.000 đồng. Khoảng 10 ngày sau, anh H tiếp tục thỏa thuận vay của H số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 8.000 đồng/1 triệu/1 ngày (tương ứng với lãi suất 292%/năm), H cắt lãi trước số tiền 7.200.000 đồng và đưa cho anh H số tiền 22.800.000 đồng. Cả hai lần vay trên H và anh H không lập giấy vay tiền. Do chưa có tiền trả nên anh H đã đóng lãi cho H thêm 06 tháng nữa với tổng số tiền 72.000.000 đồng. Đến ngày 09/11/2021, H đến gặp anh H và yêu cầu anh H viết giấy vay tiền đề ngày 09/11/2021 với nội D anh H vay của H số tiền 50.000.000 đồng, anh H ký và điểm chỉ dưới mục người vay tiền (ký hiệu A17). Hai bên thỏa thuận lãi suất là 6.000 đồng/1 triệu/1 ngày, anh H đã đóng lãi cho H 03 tháng với tổng số tiền 27.000.000 đồng. Đến nay, anh H chưa trả cho H số tiền gốc là 50.000.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, H khai ngày 09/11/2021, H có cho anh H vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày (tương ứng với lãi suất 109,5%/năm), H đã cắt lãi trước số tiền 4.500.000 đồng và đưa cho anh H số tiền 45.500.000 đồng. H đưa cho anh H mẫu giấy vay tiền và anh H điền các thông tin vào giấy vay tiền rồi ký, điểm chỉ dưới mục người vay tiền (ký hiệu A17). Đến nay, anh H chưa trả cho H số tiền gốc là 50.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã tiến H cho H và anh H tiến H đối chất NH2 các bên giữ nguyên lời khai của mình.

Như vậy, tổng số tiền lãi anh H phải trả cho H là 4.500.000 đồng. Căn cứ vào Điều 468 Bộ luật dân sự thì số tiền lãi được hưởng là $(20\% \times 50.000.000 \div 365) \times 30 = 821.917$ đồng. Do đó, tiền thu lời bất chính là 3.678.082 đồng.

9. Đối với người vay là anh Phạm Văn B, sinh năm 1990 trú tại thôn Đồi G1, xã Ch, huyện L, tỉnh Bắc Giang

Đỗ Văn H và anh Phạm Văn B có mối quan hệ quen biết. Do có nhu cầu vay tiền nên ngày 28/9/2021, tại khu vực bờ hồ thị trấn Đ, anh B thỏa thuận vay của H số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 10.000 đồng/1 triệu/1 ngày (tương ứng với lãi suất 365%/năm), H cắt lãi trước của anh B là 1.500.000 đồng, H đưa cho anh B số tiền 3.500.000 đồng (sau khi cắt lãi). H đưa cho anh B mẫu giấy vay tiền và anh B điền các thông tin vào giấy vay tiền rồi ký tên dưới mục người vay tiền (ký hiệu A21). Đến nay, anh B đã trả cho H số tiền gốc là 5.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi anh B phải trả cho H là 1.500.000 đồng. Căn cứ vào Điều 468 Bộ luật dân sự thì số tiền lãi được hưởng là $(20\% \times 5.000.000 \div 365) \times 30 = 82.191$ đồng. Do đó, tiền thu lời bất chính là 1.417.808 đồng.

Ngoài ra, Đỗ Văn H còn cho một số người vay tiền nhưng quá trình điều tra những người này vắng mặt tại địa phương, không rõ đang ở đâu nên Cơ quan điều tra chưa thể tiến H xác M làm rõ, cụ thể:

1. Đối với người vay là chị Nguyễn Thùy D, sinh năm 1993 trú tại thôn Muối, xã L1, huyện L, tỉnh Bắc Giang

Đỗ Văn H và chị Nguyễn Thị D có mối quan hệ quen biết. Đỗ Văn H khai nhận trong khoảng thời gian từ ngày 02/10/2020 đến ngày 30/4/2021, Đỗ Văn H đã 05 lần cho chị D vay tiền nhưng không tính lãi suất, cụ thể:

Ngày 28/9/2020, H thỏa thuận cho chị D vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng (từ ngày 28/9/2020 đến 28/10/2020, khi vay H đưa cho chị D mẫu giấy vay tiền và giấy ký nhận lĩnh tiền đề ngày 28/9/2020 và chị D điền các thông tin vào giấy vay tiền rồi ký, điểm chỉ dưới mục người vay tiền (tài liệu đánh số 10, 11).

Ngày 02/10/2020, H thỏa thuận cho chị D vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng (từ ngày 02/10/2020 đến 02/11/2020, khi vay H đưa cho chị D mẫu giấy vay tiền và giấy ký nhận lĩnh tiền đề ngày 02/10/2020 và chị D điền các thông tin vào giấy vay tiền rồi ký, điểm chỉ dưới mục người vay tiền (tài liệu đánh số 1,2).

Ngày 05/02/2021, H thỏa thuận cho chị D vay số tiền 320.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, khi vay H đưa cho chị D mẫu giấy vay tiền đề ngày

05/02/2021 và chị D điền các thông tin vào giấy vay tiền rồi ký dưới mục người vay tiền, còn H ký dưới mục người cho vay (tài liệu đánh số 4-A5).

Ngày 20/4/2021, H thỏa thuận cho chị D vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, khi vay H đưa cho chị D mẫu giấy vay tiền và đề ngày 20/4/2021 và chị D điền các thông tin vào giấy vay tiền rồi ký dưới mục người vay tiền (tài liệu đánh số 5).

Ngày 30/4/2022, H thỏa thuận cho chị D vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, khi vay H đưa cho chị D mẫu giấy vay tiền đề ngày 30/4/2021 và chị D điền các thông tin vào giấy vay tiền rồi ký dưới mục người vay tiền (tài liệu đánh số 3).

Quá trình điều tra, chị D vắng mặt tại địa phương, không rõ đi đâu, làm gì nên Cơ quan điều tra chưa thể tiến H lấy lời khai của chị D để làm rõ.

2. Đối với người vay là anh Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1975, trú tại Hà Mỹ, Ch, L, tỉnh Bắc Giang

Đỗ Văn H và anh Nguyễn Văn Kh có mối quan hệ quen biết. Ngày 18/03/2022, tại nhà của anh Kh, H đã thỏa thuận cho anh Kh vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, khoản vay trên không tính lãi. Hai bên lập giấy vay tiền đề ngày 18/3/2022 (ký hiệu A8).

3. Đối với người vay là anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1991, trú tại TDP Kèn, TT Ph, huyện L, tỉnh Bắc Giang

Đỗ Văn H và anh Nguyễn Văn V. Ngày 30/6/2021, H đã thỏa thuận cho anh V vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, khoản vay trên không tính lãi. Hai bên lập giấy vay tiền đề ngày 30/6/2021 (ký hiệu A14). Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến H làm việc, xác M anh V vắng mặt tại địa phương, hiện không rõ địa chỉ nên Cơ quan điều tra chưa tiến H ghi lời khai của anh V để làm rõ, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

4. Đối với người vay là anh Nguyễn Đức C, sinh năm 2003 trú tại thôn Lư, xã Kh, huyện L, tỉnh Bắc Giang

Đỗ Văn H và anh Nguyễn Đức C có mối quan hệ quen biết. Ngày 10/8/2021, H đã thỏa thuận cho anh C vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, khoản vay trên không tính lãi. Hai bên lập giấy vay tiền (ký hiệu A19). Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến H làm việc, xác M anh C vắng mặt tại địa phương, hiện không rõ địa chỉ nên Cơ quan điều tra chưa tiến H ghi lời khai của anh C để làm rõ, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

5. Đối với người vay là anh Phan Đình H3, sinh năm 1995 trú tại thôn H1, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang

Đỗ Văn H và anh Phan Đình H3 có mối quan hệ quen biết. Ngày 10/12/2021, H đã thỏa thuận cho anh H3 vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày. H đưa cho anh H3 mẫu giấy vay tiền và anh H3 điền các thông tin vào giấy vay tiền rồi ký, điểm chỉ dưới mục người vay tiền (ký hiệu A20). Khoản vay này H chưa thu lãi của anh H3. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến H làm việc, xác M anh H3 vắng mặt tại địa phương, hiện không rõ địa chỉ nên Cơ quan điều tra chưa tiến H ghi lời khai của anh H3 để làm rõ, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

6. Đối với người vay là anh Vũ Anh T1, sinh năm 2000 trú tại thôn Gi, xã Th, huyện L, tỉnh Bắc Giang

Đỗ Văn H và anh Vũ Anh T1 có mối quan hệ quen biết. Ngày 17/9/2021, anh T1 thỏa thuận vay của H số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 20 ngày, lãi suất 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày. H đưa cho anh T1 mẫu giấy vay tiền và anh T1 điền các thông tin vào giấy vay tiền rồi ký tên dưới mục người vay tiền (ký hiệu A22).

Đến ngày 18/9/2021, anh T1 tiếp tục thỏa thuận vay của H số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 20 ngày, lãi suất 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Do anh T1 chưa trả cho H số tiền 50.000.000 đồng ngày 17/9/2021 nên H và anh T1 thỏa thuận lập giấy tờ vay đề ngày 17/9/2021 với nội D là anh T1 vay của H số tiền 80.000.000 đồng (bao gồm khoản vay 50.000.000 đồng ngày 17/9/2021 và 30.000.000 đồng ngày 18/9/2021), anh T1 ký, điểm chỉ vào dưới mục người vay tiền, H ký dưới mục người cho vay (ký hiệu A23). Cả hai khoản vay này, H không cắt lãi trước và anh T1 chưa trả lãi cho H. H khai đến nay anh T1 chưa trả số tiền gốc 80.000.000 đồng cho H. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến H làm việc, xác M anh T1 vắng mặt tại địa phương, hiện không rõ địa chỉ nên Cơ quan điều tra chưa tiến H ghi lời khai của anh T1 để làm rõ, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

7. Đối với người vay là anh Giáp Văn T1, sinh năm 1994 trú tại H1, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang

Đỗ Văn H và anh Giáp Văn T1 có mối quan hệ quen biết. Ngày 10/10/2020, anh T1 thỏa thuận vay của H số tiền 2.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, không tính lãi, H đưa cho anh T1 mẫu giấy vay tiền và anh T1 điền các thông tin vào giấy vay tiền rồi ký tên dưới mục người vay tiền, H ký dưới mục người cho vay (ký hiệu A24). Cơ quan điều tra đã tiến H làm việc, xác M

anh T1 vắng mặt tại địa phương, hiện không rõ địa chỉ nên Cơ quan điều tra chưa tiến H ghi lời khai của anh T1 để làm rõ, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

8. Đối với người vay là anh Lê Văn Ch, sinh năm 1990 trú tại TDP H, thị trấn V, huyện L2, tỉnh Bắc Giang

Đỗ Văn H và anh Lê Văn Ch. Ngày 05/6/2021, anh Ch thỏa thuận vay của H số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, không tính lãi, H đưa cho anh Ch mẫu giấy vay tiền và anh Ch điền các thông tin vào giấy vay tiền rồi ký tên, điền chỉ dưới mục người vay tiền, H ký dưới mục người cho vay (ký hiệu A25). Cơ quan điều tra đã tiến H làm việc, xác M anh Ch vắng mặt tại địa phương, hiện không rõ địa chỉ nên Cơ quan điều tra chưa tiến H ghi lời khai của anh Ch để làm rõ, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết các giấy vay tiền, giấy bán xe ô tô, mô tô, giấy ký nhận lĩnh tiền thu giữ khi khám xét nơi ở của Đỗ Văn H. Tại kết luận giám định số 629/KL-KTHS ngày 22/4/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang, kết luận:

1. Phòng kỹ thuật hình sự không kết luận giám định chữ viết bị sửa chữa, nội D trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) và chữ ký mang tên “Đỗ Văn H” dưới mục “Người cho vay” trên các tài cần giám định (ký hiệu A5) so với chữ ký của Đỗ Văn H trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M6 đến M9) do khác dạng nhau.

2. Chữ ký (dạng chữ viết), chữ viết có nội D “Q- Thân Văn Q” dưới mục “Người làm chứng” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A5) và chữ ký, chữ viết trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A3) so với chữ ký, chữ viết của Thân Văn Q trên tài liệu mẫu (ký hiệu M1) ***là do cùng một người ký, viết ra.***

3. Chữ ký, chữ viết trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A5, trừ chữ viết bị sửa chữa và chữ viết có nội D “2- RL4BCE3E501 - Đen”, “Người làm chứng - Q- Thân Văn Q” tại các dòng chữ viết thứ 05,15,16,17 tính từ trên xuống dưới tài liệu cần giám định ký hiệu A1; chữ ký, chữ viết mang tên Đỗ Văn H dưới mục “Người cho vay” và chữ viết có nội D “25 - 3 - 2022” “Người làm chứng- Q – Thân Văn Q” tại các dòng chữ chữ viết thứ 01,14,15,16 trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A5) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn Kh trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M2, M3) ***là do cùng một người ký, viết ra.***

4. Chữ ký, chữ viết trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A2,A4- trừ chữ viết có nội D “9-4-2020” tại mục “ngày...tháng...năm” trên các tài liệu

cần giám định ký hiệu A4) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn H2 trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M4,M5) ***là do cùng một người ký, viết ra.***

5. Chữ viết có nội D “2- RL4BCE3E501 - Đen”, “Người làm chứng tại dòng chữ viết thứ 05,15 tính từ trên xuống dưới trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1); “9-4-2020” tại mục “ngày...tháng...năm” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A4); “Đỗ Văn H” dưới mục “Người cho vay” và chữ viết “25 - 3 - 2022”, “Người làm chứng” tại các dòng chữ viết thứ 01,14 tính từ trên xuống dưới trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A5) so với chữ viết của Đỗ Văn H trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M6 đến M9) ***là do cùng một người viết ra.***

Tại kết luận giám định số 1384/KL-KTHS ngày 10/8/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang, kết luận:

1. Chữ ký, chữ viết trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A8 – trừ chữ ký, chữ viết mang tên Đỗ Văn H tại mục “người cho vay”) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn Kh trên tài liệu mẫu (ký hiệu M13) ***là do cùng một người ký, viết ra.***

2. Chữ ký (dạng chữ viết), chữ viết trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A9 đến A12 – trừ chữ ký, chữ viết mang tên Đỗ Văn H tại mục “Người cho vay”) so với chữ ký, chữ viết của Lương Ngọc M trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M7, M8) ***là do cùng một người ký, viết ra.***

3. Chữ ký (dạng chữ viết), chữ viết “H3 - Lâm Văn H3” tại mục “Người vay tiền” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A13,A18); chữ viết trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A13 - trừ chữ ký, chữ viết mang tên Đỗ Văn H tại mục “Người cho vay” và chữ viết có nội D “Lâm Văn Mậu - 1961 - Lê Thị Sín - 1963 - H4 T L Bắc Giang - Đỗ Văn H - 1993 - 0364094444 - Hà Phú T LN Bắc Giang” tại các dòng chữ viết thứ 06 đến 10 tính từ trên xuống dưới) so với chữ ký, chữ viết của Lâm Văn H3 trên tài liệu mẫu (ký hiệu M14,M15) ***là do cùng một người ký, viết ra.***

4. Chữ ký (dạng chữ viết),chữ viết trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A15 - trừ chữ ký, chữ viết mang tên Đỗ Văn H tại mục “Người cho vay”) so với chữ ký, chữ viết của Phạm Văn Th trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M9, M10) ***là do cùng một người ký, viết ra.***

5. Chữ ký (dạng chữ viết), chữ viết trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A17 - trừ chữ ký, chữ viết mang tên Đỗ Văn H tại mục “Người cho vay”) so với chữ ký, chữ viết của Trương Văn H trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M11, M12) ***là do cùng một người ký, viết ra.***

6. Chữ ký, chữ viết trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A21) so với chữ ký, chữ viết của Phạm Văn B trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M5,M6) ***là do cùng một người ký, viết ra.***

7. Phòng kỹ thuật hình sự không kết luận giám định chữ ký mang tên Đỗ Văn H tại mục “Người cho vay” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A5 đến A16, A17, A18, A19, A23, A24, A25) so với chữ ký của Đỗ Văn H trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M4) ***do khác dạng nhau.***

- Chữ viết có nội D “Đỗ Văn H” tại mục “Người cho vay” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A5 đến A16, A17, A18, A19, A23, A24, A25); chữ viết trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A5, A6, A7, A14, A18, A19, A25 -trừ chữ ký, chữ viết tại mục “Người vay tiền”); chữ viết có nội D “Lâm Văn M- 1961 – Lê Thị S – 1963- H4 T L Bắc Giang – Đỗ Văn H – 1993 – 0364094444 – H, T LN, Bắc Giang” tại các dòng chữ viết thứ 06 đến 10 tính từ trên xuống dưới trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A13); “17-9-2021- Vũ Anh T1 – 23 – 05 – 2000 – 034962222 – 12255607 – 03 – 02 -2017 – Bắc Giang” tại các dòng chữ viết thứ 01, 02, 03 từ trên xuống dưới trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M5) ***là do cùng một người ký, viết ra.***

8. Chữ ký, chữ viết trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A7, A14, A16, A17, từ A19 đến A25 – trừ chữ ký, chữ viết đã kết luận ở trên) là không phải chữ ký, chữ viết của Đỗ Văn H, Phạm Văn B, Lương Ngọc M, Phạm Văn Th, Trương Văn H, Nguyễn Văn Kh, Lâm Văn H3.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến H tạm giữ kiểm tra điện thoại Iphone 11 Promax, vỏ màu xanh của Đỗ Văn H thu giữ nội D video có liên quan đến việc cho vay lãi nặng của H, Cơ quan điều tra đã tiến H sao lưu gửi giám định. Tại kết luận giám định số 1359/KL-KTHS ngày 05/8/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

1. Không phát hiện dấu vết cắt ghép nội D hình ảnh trong các File video được lưu trữ trong các đĩa DVD-R nhãn hiệu Maxell, màu cam gửi giám định sau:

- Các File lưu trong đĩa DVD-R nhãn hiệu Maxell, màu cam – ký hiệu A1;
- + Tên File “H2 1.mp4”; D lượng: 10,7MB; thời lượng:01 phút 13 giây;
- + Tên File “H2 2.mp4”; D lượng: 11,2MB; thời lượng:01 phút 16 giây;
- + Tên File “H2 3.mp4”; D lượng: 3,36MB; thời lượng:00 phút 22 giây;
- File viedeo có tên “Kh 1.mp4”; D lượng: 8,81MB; thời lượng:01 phút 00 giây lưu trong đĩa DVD-R ký hiệu A2.

Đối với Lê Văn T, quá trình điều tra chưa đủ căn cứ xác định T đồng phạm với Đỗ Văn H về H vi cho vay lãi nặng đối với khoản vay của anh Nguyễn Văn Kh và anh Nguyễn Văn H2. Mặt khác, số tiền thu lời bất chính của hai khoản vay trên là 28.479.355 đồng. Do vậy, H vi của Lê Văn T không cấu tH tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Trong vụ án này, H khai H và Thân Văn Q có bàn bạc, thỏa thuận để Q giới thiệu anh Nguyễn Văn Kh và anh Nguyễn Văn H2 đến vay tiền của H với lãi suất cao, H đã trả cho Q số tiền 2.250.000 đồng (là tiền môi giới). Anh Q không thừa nhận nội D trên. Cơ quan điều tra đã cho H và anh Q đối chất nH2 các bên giữ nguyên lời khai. Do đó, không có căn cứ để xử lý đối với Q về H vi "cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Quá trình điều tra, anh Nguyễn Văn Kh đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 134.466.000 đồng và anh Nguyễn Văn H2 đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 379.288.000 đồng.

Đối với Nguyễn Văn H2 và Nguyễn Văn Kh có H vi mượn xe ô tô của anh Hoàng Văn Kh và anh Nguyễn Đức Thịnh sau đó mang đi cầm cố nH2 được sự đồng ý của chủ sở hữu nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với Nguyễn Văn H2 và Nguyễn Văn Kh về H vi này.

Cơ quan điều tra đã tạm giữ: 01 đăng ký xe ô tô, 01 giấy chứng nhận kiểm định của xe ô tô biển số 98A-171.68 và 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, loại Tucson, biển số 98A-171.68; 01 đăng ký xe ô tô, 01 giấy chứng nhận kiểm định của xe ô tô biển số 30A-091.31 và 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota, loại Corolla, biển số 30A-091.31. Quá trình điều tra xác định chiếc xe ô tô biển số 98A-171.68 thuộc sở hữu của anh Hoàng Văn Kh, sinh năm 1969 trú tại TDP Tân An, thị trấn Tân An, huyện Yên D cho Nguyễn Văn H2 mượn, chiếc xe ô tô biển số 30A-091.31 thuộc sở hữu của anh Nguyễn Đức Thịnh, sinh năm 1984 trú Thanh An, xã Trù Hựu, huyện Lục Ngạn nên ngày 03/5/2022, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe ô tô và giấy tờ xe ô tô cho chủ sở hữu; trả lại 01 chứng M thư nhân dân và 01 giấy phép lái xe cho Thân Văn Q.

Số vật chứng còn lại gồm: 01 chứng M thư nhân dân mang tên Vi Văn T1, sinh năm 1989, trú tại Ngh, huyện L, tỉnh Bắc Giang; 01 chứng M thư nhân dân mang tên Phan Đức C, trú tại xã Ch, huyện L, tỉnh Bắc Giang; 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 98F1-186.52 mang tên Lê Công U, sinh năm 1957, trú tại xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; 01 chứng M thư nhân dân mang tên Lê Công U, sinh năm 1957 trú tại xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang biển kiểm soát 98F1- 312.59 mang tên Hoàng Văn D,

sinh năm 1993, trú tại Th2, huyện L, tỉnh Bắc Giang; số tiền 513.754.000 đồng, Cơ quan điều tra chuyển xử lý cùng vụ án.

Tại Cơ quan điều tra, Đỗ Văn H tH khẩn khai nhận toàn bộ H vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

* Tại bản Cáo trạng số: 58/CT-VKS ngày 13 tháng 9 năm 2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố bị cáo Đỗ Văn H về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự (viết tắt là BLHS).

* Tại phiên tòa bị cáo Đỗ Văn H khai nhận H vi phạm tội của mình như nội D Bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo xác nhận Cáo trạng truy tố bị cáo không oan sai. Ngoài ra bị cáo còn trình bày:

Bị cáo làm nghề kinh doanh nhà nghỉ và cầm đồ, hàng ngày có ai đến vay tiền, bị cáo đều cho vay và lấy lãi; những người đến vay, có người phải thế chấp tài sản, có người không phải thế chấp; tùy từng mức độ vay nhiều tiền hay ít tiền để bị cáo tính lãi, mức thấp nhất là 3.500 đồng/1 triệu/ngày, mức cao nhất là 10.000 đồng/triệu/ngày; người vay càng nhiều tiền thì lãi suất càng thấp, vay ít tiền thì lãi suất cao.

Cáo trạng truy tố H vi của bị cáo cho vay lãi nặng về số tiền cho vay, lãi suất, thời gian vay, quá trình trả lãi, trả tiền gốc đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là: Anh Thân Văn Q, anh Nguyễn Văn Kh, anh Nguyễn Văn H2, anh Lương Ngọc M, anh Lâm Văn H3, anh Phạm Văn Th, anh Lê Q M, anh Trương Đình H và anh Phạm Văn B là đúng. Tuy nhiên đối với số tiền cho anh Lương Ngọc M, anh M chưa trả cho bị cáo nợ gốc 200.000.000 đồng và bị cáo chưa thu được lãi nhiều như vậy; sau khi nghe Viện kiểm sát giải thích các quy định của pháp luật thì bị cáo công nhận là đúng. Đối với số tiền cho anh Lê Q M vay, vợ anh M đã chuyển tiền vào tài khoản của bị cáo 23.000.000 đồng là đúng, nH2 đây là khoản vay khác của anh M. Đến nay anh M vẫn chưa trả bị cáo tiền gốc 20.000.000 đồng.

Về nguồn gốc số tiền bị cáo sử dụng vào việc cho vay lãi nặng là bị cáo vay của nhiều người khác, hiện nay bị cáo vẫn còn nợ nhiều người; đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo xin lại số tiền này để bị cáo trả nợ.

Khi khám nhà thu của một số chứng M thư nhân dân và giấy đăng ký xe mô tô. Đây là giấy tờ của một số khách hàng đến thuê nhà nghỉ của bị cáo, họ để lại các giấy tờ trên, khi nghỉ xong họ không lấy lại. bị cáo đề nghị trả lại cho những người có trên trong các giấy tờ trên.

* Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố của bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về trách nhiệm hình sự:

- Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn H phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Căn cứ: khoản 2 và 3 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h, khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của BLHS.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn H mức án từ 09 đến 12 tháng tù về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Áp dụng Điều 55 và Điều 56 của BLHS tổng hợp hình phạt 3 năm 6 tháng tù của Bản án số 44/2022/HSST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, buộc bị cáo H phải chấp H hình phạt chung cho cả hai bản án là từ 04 năm 03 tháng tù đến 04 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày thi H án.

- Phạt bổ sung bị cáo 40.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 và 48 của BLHD; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự (viết tắt là BLTTHS).

- Truy thu của bị cáo 1.065.000.000 đồng vào ngân sách Nhà nước;

- Truy thu của anh Nguyễn Văn Kh số tiền 15.534.000 đồng vào ngân sách Nhà nước;

- Truy thu của anh Nguyễn Văn H2 số tiền 20.712.000 đồng vào ngân sách Nhà nước;

- Buộc anh Lương Ngọc M phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 200.000.000 đồng;

- Buộc anh Phạm Văn Th phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 30.000.000 đồng;

- Buộc anh Trương Văn H phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 50.000.000 đồng;

- Truy thu của bị cáo H sung công quỹ Nhà nước số tiền 32.093.143 đồng;

- Buộc bị cáo H phải trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền sau:

Trả cho anh Thân Văn Q 2.335.618 đồng;

Trả cho anh Nguyễn Văn Kh 15.534.246 đồng;

Trả cho anh Nguyễn Văn H2 20.712.232 đồng;

Trả cho anh Lương Ngọc M 37.259.589 đồng;

Trả cho anh Lâm Văn H3 46.589.040 đồng;

Trả cho anh Phạm Văn Th 2.058.904 đồng;

Trả anh Lê Q M 2.671.233 đồng;

Trả anh Trương Đình H 3.678.082 đồng;

Trả anh Phạm Văn B 1.417.809 đồng.

- Truy thu của anh Lê Văn T 6.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

- Trả lại anh Vi Văn T1 01 chứng M thư nhân dân mang tên Vi Văn T1, sinh năm 1989, trú tại xã Ngh, huyện L, tỉnh Bắc Giang;

- Trả lại anh Phan Đức C 01 chứng M thư nhân dân mang tên Phan Đức C, trú tại xã Ch, huyện L, tỉnh Bắc Giang;

- Trả lại anh Lê Công Ủy 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 98F1-186.52 và 01 chứng M thư nhân dân mang tên Lê Công U, sinh năm 1957, trú tại xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Trả lại anh Hoàng Văn D 01 giấy đăng ký xe mô tô mang biển kiểm soát 98F1-312.59 mang tên Hoàng Văn D, sinh năm 1993, trú tại Th2, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí HSST.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Tranh luận với kết luận của đại diện Viện kiểm sát:

- Bị cáo Đỗ Văn H tranh luận đối đáp: Bị cáo không tranh luận gì với kết luận của đại diện Viện kiểm sát.

* Kết thúc tranh luận bị cáo H nói lời sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đánh giá tính hợp pháp về H vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên:

Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về H vi, quyết

định của Cơ quan tiến H tố tụng, người tiến H tố tụng. Do đó cần xác định các H vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L và Kiểm sát viên đã thực hiện là đúng pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án giao giấy triệu tập, nH2 vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy quá trình điều tra họ đã có lời khai đầy đủ lời khai tại hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến H xét xử; Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của người vắng mặt trong quá trình hỏi tại phiên tòa.

[3] Đánh giá chứng cứ

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo cơ bản đã khai nhận về toàn bộ H vi của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; biên bản đối chất, kết luận giám định. Bị cáo xác định Cáo trạng nêu H vi bị cáo cho vay nặng lãi đối với anh Thân Văn Q, Nguyễn Văn Kh, Nguyễn Văn H2, Lương Ngọc M, Lâm Văn H3, Trương Văn H, Phạm Văn B là đúng.

- Đối các trường hợp anh Lê Q M, bị cáo cho rằng anh M chưa trả tiền cho bị cáo; vợ anh M là chị Phạm Thị Kim Oanh chuyển cho bị cáo 23.000.000 đồng là khoản vay khác. Căn cứ vào lời khai của anh M và tài liệu do Ngân hàng MB cung cấp thể hiện ngày 16/3/2022 chị Oanh là vợ anh M có chuyển khoản cho bị cáo 23.000.000 đồng và cùng ngày tài khoản Ngân hàng của bị cáo thể hiện đã nhận được 23.000.000 đồng. Điều này phù hợp với lời khai của anh M, anh M khai chỉ vay bị cáo 20.000.000 đồng, lãi suất 5.000.000 đồng/1 triệu/ngày, bị cáo không thu lãi trước. Do đó đối với tiền này, bị cáo đã thu lãi 20% theo qui định của Bộ luật dân sự là:

$$(20\% \times 20.000.000 \text{ đồng/năm}) \times 30 \text{ ngày} = 328.767 \text{ đồng.}$$

Số tiền H thu lợi bất chính là:

$$3.000.000 \text{ đồng} - 328.767 \text{ đồng} = 2.671.233 \text{ đồng}$$

Như vậy có đủ căn cứ xác định:

Trong khoảng thời gian từ ngày 29/02/2020 đến 09/4/2022, Đỗ Văn H đã cho những người vay vay tiền với lãi suất từ 109,5%/năm đến 365%/năm (cao hơn 05 lần mức lãi suất cao nhất 20%/năm quy định của Bộ luật dân sự) để thu lợi bất chính, cụ thể: H cho Thân Văn Q vay tổng số tiền 20.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.335.618 đồng; cho anh Nguyễn Văn Kh vay số tiền

150.000.000 đồng, thu lời bất chính số tiền 15.534.246 đồng; cho anh Nguyễn Văn H2 vay số tiền 400.000.000 đồng, thu lời bất chính số tiền 20.712.232 đồng; cho anh Lương Ngọc M vay tổng số tiền 270.000.000 đồng, thu lời bất chính số tiền 81.884.588 đồng; cho Lâm Văn H3 vay số tiền 950.000.000 đồng, thu lời bất chính số tiền 46.589.040 đồng; cho anh Phạm Văn Th vay số tiền 30.000.000 đồng, thu lời bất chính số tiền 2.868.904 đồng; cho anh Lê Q M vay số tiền 20.000.000 đồng, thu lời bất chính số tiền 2.671.233 đồng; cho anh Trương Đình H vay số tiền 50.000.000 đồng, thu lời bất chính số tiền 3.678.082 đồng; cho anh Phạm Văn B vay số tiền 5.000.000 đồng, thu lời bất chính số tiền 1.417.808 đồng.

Tổng số tiền H cho vay là 1.895.000.000 đồng, thu lời bất chính số tiền là 177.491.750 đồng.

Như vậy H vi của bị cáo đã phạm vào tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, qui định tại Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo thụ lợi bất chính tổng số tiền 177.491.750 đồng, nên đã phạm vào khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo thụ lợi bất chính số tiền 176.491.750 đồng; số tiền thụ lợi bất chính chứng M được tại phiên tòa cao hơn mức Cáo trạng truy tố là 1.200.000 đồng là do tại phiên tòa xác định được số tiền anh Lê Q M trả bị cáo 23.000.000 đồng; đại diện Viện kiểm sát cũng xác định số tiền 23.000.000 đồng là đúng. Do số tiền chênh lệch với Cáo trạng nhỏ, không làm thay đổi bản chất vụ án và điều khoản của BLHS áp dụng đối với bị cáo; để vụ án được đưa ra xét xử nhanh chóng, kịp thời, đáp ứng được công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trong lĩnh vực tín dụng; nên không cần thiết phải trả hồ sơ để truy tố lại, mà tiếp tục xét xử vụ án cũng đảm bảo và không ảnh hưởng tới quyền lợi của bị cáo.

Như vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là đúng pháp luật.

[4] Đánh giá mức độ nguy hiểm của H vi phạm tội:

H vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng. Bị cáo H chỉ vì động cơ, mục đích lợi ích cá nhân, bất chấp các qui định của pháp luật, lợi dụng những người gặp khó khăn về kinh tế, đã cho vay với lãi suất cao, nhằm thu lợi bất chính. H vi của các bị cáo gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong nội bộ quần chúng nhân dân. Do đó phải xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự và có hình phạt tù tương xứng với H vi phạm tội của các bị cáo nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Xét nhân thân bị cáo:

Bị cáo đã nhiều lần bị Tòa án đưa ra xét xử, cụ thể:

+) Bản án số 57/2022/HSST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện L xử phạt Đỗ Văn H 02 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy, 03 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và 07 năm 06 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt, H phải chấp H là: 12 năm 06 tháng tù. Hiện bị cáo đang kháng cáo bản án.

+) Bản án số 44/2022/HSST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện L xử phạt Đỗ Văn H 18 tháng tù về tội "Tàng trữ vũ khí quân dụng". Tổng hợp với 02 năm tù của bản án số 55/2018/HSST ngày 02/11/2018 về tội "Buôn bán hàng cấm". Buộc bị cáo phải chấp H hình phạt chung là 03 năm 06 tháng tù.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo thực hiện H vi cho vay lãi nặng nhiều lần, do đó bị cáo đã phạm vào tình tiết: Phạm tội 02 lần trở lên, được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Bản án số 55/2018/HSST ngày 02/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện L xử phạt Đỗ Văn H 02 năm tù nH2 cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm kể từ ngày tuyên án (02/11/2018). Bị cáo chưa được xóa án tích, nên lần này phạm tội là tái phạm được quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa khai báo tH khẩn, ăn năn hối cải, nên có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là "Người phạm tội tH khẩn khai báo, ăn năn hối cải" được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8] Về tổng hợp bản án:

- Theo qui định tại Điều 56 của BLHS, thì Tòa án phải tổng hợp hình phạt tù của những bản án đã có hiệu lực pháp luật mà chỉ cáo chưa chấp H hoặc chưa chấp H xong.

Bản án số 44/2022/HSST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện L xử phạt Đỗ Văn H 18 tháng tù về tội "Tàng trữ vũ khí quân dụng"; Bản án này đã tổng hợp hình phạt của Bản án số 55/2018/HSST ngày 02/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện L xử phạt Đỗ Văn H 02 năm tù nH2 cho hưởng án treo và hình phạt. Buộc bị cáo phải chấp H hình phạt chung cho cả hai bản án là: 03 năm 06 tháng tù. Do đó Tòa án chỉ cần tổng hợp hình phạt 03 năm 06 tháng tù

của Bản án số 44/2022/HSST ngày 29/8/2022 với hình phạt tù của bản án án này và buộc bị cáo phải chấp H hình phạt chung cho các bản án là đủ.

- Đối với Bản án số 57/2022/HSST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện L xử phạt Đỗ Văn H 02 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy, 03 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và 07 năm 06 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt, H phải chấp H là: 12 năm 06 tháng tù. Do bản án có kháng cáo, chưa có hiệu lực pháp luật, nên chưa có căn cứ để tổng hợp bản án. Tuy nhiên để tránh bỏ lọt hình phạt, cần báo cáo với Chánh án Tòa án nhân dân có thẩm quyền để tổng hợp Bản án theo qui định của pháp luật sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

[9] Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo 40.000.000 đồng là phù hợp với qui định tại khoản 3 Điều 201 của BLHS.

[10] Về trách nhiệm dân sự và xử lý về vật chứng:

Căn cứ Điều 5 của Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn thì: vật, tiền liên quan đến việc phạm tội được xử lý như sau:

- Số tiền bị cáo H sử dụng vào việc cho vay lãi nặng cần tịch thu sung công quỹ nhà nước;

- Số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo qui định của Bộ luật dân sự mà bị cáo H thu được từ người vay, cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Số tiền bị cáo H thu lợi bất chính từ việc phạm tội, cần buộc bị cáo trả lại cho người vay.

- Số tiền bị cáo cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vay, mà người vay chưa trả thì cần buộc người vay nộp lại để sung công quỹ Nhà nước.

Cụ thể:

* Đối với số tiền cho anh Thân Văn Q vay 2 lần, bị cáo đưa cho anh Q:

- Lần 1 anh Q vay bị cáo 10.000.000 đồng, anh Q trả tiền lãi trước cho bị cáo 1.000.000 đồng. Trong số tiền lãi 1.000.000 đồng thì tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo qui định của Bộ luật dân sự là 54.794 đồng, bị cáo thu lợi bất chính là 945.206 đồng.

Số tiền bị cáo phải nộp sung quỹ Nhà nước là:

10.000.000 đồng + 54.794 đồng = 10.054.794 đồng.

Bị cáo phải trả lại anh Q là 945.206 đồng.

- Lần 2 anh Q vay bị cáo 10.000.000 đồng, anh Q trả tiền lãi trước cho bị cáo 1.500.000 đồng. Trong số tiền lãi 1.500.000 đồng thì tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo qui định của Bộ luật dân sự là 109.588 đồng, bị cáo thu lợi bất chính là 1.390.412 đồng.

Số tiền bị cáo phải nộp sung quỹ Nhà nước là:

$$10.000.000 \text{ đồng} + 109.588 \text{ đồng} = 10.109.588 \text{ đồng}.$$

Bị cáo phải trả lại anh Q là 1.390.412 đồng.

Cả hai khoản tiền trên bị cáo phải nộp là: 10.054.794 đồng + 10.109.588 đồng = 20.164.382 đồng; bị cáo phải trả anh Q là: 1.390.412 đồng + 945.206 đồng = 2.335.618 đồng.

* Đối với số tiền cho anh Nguyễn Văn Kh vay: 150.000.000 đồng, anh Kh đã trả lãi cho H 2 lần là 18.000.000 đồng.

Do anh Kh chưa trả H số tiền vay, nên cần buộc anh Kh phải nộp lại 150.000.000 đồng. Anh Kh đã tự nguyện nộp 134.466.000 đồng. Do đó anh Kh còn phải nộp tiếp 150.000.000 đồng - 134.466.000 đồng = 15.534.000 đồng

Trong 18.000.000 đồng anh Kh trả lãi cho bị cáo, thì có 2.465.753 đồng là tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo qui định của Bộ luật dân sự. Do đó cần buộc bị cáo phải nộp lại số tiền này để sung quỹ Nhà nước.

Số tiền còn lại: 15.534.246 đồng là tiền thu lợi bất chính, cần buộc bị cáo trả lại anh Kh.

* Đối với số tiền cho anh Nguyễn Văn H2 vay của H: 400.000.000 đồng, H đưa cho anh H2 376.000.000 đồng. Do anh H2 chưa trả tiền cho bị cáo, nên cần buộc anh H2 phải nộp lại 400.000.000 đồng

Anh H2 tự nguyện lại 379.288.000 đồng, nên anh H2 phải nộp tiếp:

$$400.000.000 \text{ đồng} - 379.288.000 \text{ đồng} = 20.712.000 \text{ đồng}.$$

Anh H2 phải trả lãi trước 24.000.000 đồng. Trong đó có 3.287.671 đồng là tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo qui định của Bộ luật dân sự. Do đó cần buộc bị cáo phải nộp lại số tiền này để sung quỹ Nhà nước.

Số tiền còn lại: 20.712.232 đồng là tiền thu lợi bất chính, cần buộc bị cáo trả lại anh H2.

* Đối với số tiền anh Lương Ngọc M vay:

- Ngày 07/9/2021 anh M vay của H 20.000.000 đồng, H thu lãi trước 2.400.000 đồng, đưa cho anh M 17.600.000 đồng. Anh M đã trả cho H 20.000.000 đồng.

Do đó cần buộc H nộp lại 20.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

Trong số 2.400.000 đồng tiền lãi anh M đưa cho H, có 328.767 đồng là tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo qui định của Bộ luật dân sự. Do đó cần buộc bị cáo phải nộp lại số tiền này để sung quỹ Nhà nước.

Số tiền còn lại: 2.071.232 đồng là tiền thu lợi bất chính, cần buộc bị cáo trả lại anh M.

- Ngày 21/9/2021 anh M vay của H 50.000.000 đồng, H thu lãi trước 5.250.000 đồng, đưa cho anh M 44.750.000 đồng. Anh M đã trả cho H 50.000.000 đồng.

Do đó cần buộc H nộp lại 50.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

Trong số 5.250.000 đồng tiền lãi anh M trả cho H, có 821.917 đồng là tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo qui định của Bộ luật dân sự. Do đó cần buộc bị cáo phải nộp lại số tiền này để sung quỹ Nhà nước.

(H phải nộp: 50.000.000 đồng + 821.917 đồng = 50.821.917 đồng

Số tiền còn lại: 4.428.082 đồng là tiền thu lợi bất chính, cần buộc bị cáo trả lại anh M).

- Ngày 18/11/2021 anh M vay của H 150.000.000 đồng.

H khai đến ngày bị bắt, anh M đã trả cho H tổng cộng 2 tháng lãi là 31.500.000 đồng. Như vậy trong số tiền này, H thu lãi theo qui định là 11.917.808 đồng, do đó H phải nộp lại số tiền này sung quỹ Nhà nước.

Số tiền lãi H thu lợi bất chính là 19.582.192 đồng cần buộc H phải trả lại cho anh M.

Anh M chưa trả cho H 150.000.000 đồng, nên cần buộc anh M nộp lại: 150.000.000 đồng.

- Ngày 05/3/2022 anh M vay của H 50.000 000 đồng, H đưa cho anh M 44.000.000 đồng. Số tiền lãi anh M đã trả cho H 12.000.000 đồng.

Anh M chưa trả cho H tiền gốc, do đó cần buộc anh M phải nộp lại 50.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Trong số 12.000.000 đồng tiền lãi anh M trả cho H, có 812.917 đồng là tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo qui định của Bộ luật dân sự. Do đó cần buộc bị cáo phải nộp lại số tiền này để sung quỹ Nhà nước.

Số tiền còn lại: 11.178.083 đồng là tiền thu lợi bất chính, cần buộc bị cáo trả lại anh M.

Đối với các khoản tiền H cho anh M vay; H và anh M phải nộp lại số tiền sau:

- H nộp sung quỹ Nhà nước: 20.328.767 đồng + 50.821.917 đồng + 11.917.808 đồng + 812.917 đồng = 83.881.409 đồng

- H trả M: 2.071.232 đồng + 4.428.082 đồng + 19.582.192 đồng + 11.178.083 đồng = 37.259.589 đồng.

- Anh M phải nộp tiền sung quỹ Nhà nước là:

150.000.000 đồng + 50.000.000 đồng = 200.000.000 đồng.

* Đối với số tiền anh Lâm Văn H3 vay của H:

- Ngày 27/11/2020 và 28/11/2020 là 450.000.000 đồng, H thu lãi 27.000.000 đồng trước. Anh H3 đã trả H số tiền này. Cần buộc bị cáo phải nộp lại 450.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Trong số 27.000.000 đồng tiền lãi có: 4.931.506 đồng là tiền lãi theo qui định, cần buộc H nộp lại sung quỹ Nhà nước; còn 22.068.493 đồng là tiền thu lợi bất chính, cần buộc H phải trả lại cho anh H3.

- Ngày 29/02/2022 vay 500.000.000 đồng. H thu lãi trước 30.000.000 đồng, giao cho anh H3 470.000.000 đồng. Anh H3 đã trả H số tiền này. Cần buộc bị cáo phải nộp lại 500.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Trong 30.000.000 đồng lãi có 5.479.452 đồng là tiền lãi theo qui định, cần buộc H nộp lại sung quỹ Nhà nước; còn 24.520.547 đồng là tiền thu lợi bất chính, cần buộc H phải trả lại cho anh H3.

Tổng cộng:

- H phải nộp số tiền sung quỹ Nhà nước: 450.000.000 đồng + 500.000.000 đồng + 4.931.506 đồng + 5.479.452 đồng = 960.410.958 đồng.

- H phải trả anh H3: 22.068.493 đồng + 24.520.547 đồng = 46.589.040 đồng.

* Đối với số tiền cho anh Phạm Văn Th vay 30.000.000 đồng và thu lãi trước 2.700.000 đồng. Đến nay anh Th chưa trả số tiền này. Do đó cần buộc anh Th nộp lại 30.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Trong 2.700.000 đồng lãi có: 641.095 đồng là tiền lãi theo qui định, cần buộc H nộp lại; còn 2.058.905 đồng thu lợi bất chính, cần buộc H trả lại anh Th.

* Đối với anh Lê Q M. Anh M vay của H 20.000.000 đồng, anh M khai đã trả cho H cả gốc và lãi là 23.000.000 đồng.

Số lãi anh M trả H là: 3.000.000 đồng, trong đó có 328.767 đồng lãi trong hạn, cần buộc H nộp lại; còn lại 2.671.233 lãi thu lợi bất chính, cần buộc H trả lại anh M.

Như vậy, H phải nộp lại: 20.000.000 đồng + 328.767 = 20.328.767 đồng.

H phải trả M là: 2.671.233 đồng.

* Đối với số tiền anh Trương Văn H vay của H 50.000.000 đồng, H thu lãi trước của anh H 4.500.000 đồng.

Anh H chưa trả tiền gốc cho H, nên cần buộc anh H nộp lại: 50.000.000 đồng.

Trong số 4.500.000 đồng tiền lãi có: 821.917 đồng tiền lãi theo qui định, cần buộc H nộp lại; còn lại 3.678.082 đồng là tiền thu lợi bất chính, cần buộc H trả lại anh H.

* Đối với anh Phạm Văn B vay của H 5.000.000 đồng, H thu lãi trước 1.500.000 đồng. Đến nay anh B đã trả H 5.000.000 đồng; nên cần buộc H nộp lại số tiền 5.000.000 đồng.

Trong 1.500.000 đồng có 82.191 đồng tiền lãi theo qui định, cần buộc H nộp lại; còn lại 1.417.809 đồng là tiền thu lợi bất chính, cần buộc H trả lại anh B

H phải nộp: 5.000.000 đồng + 82.191 đồng = 5.082.191 đồng.

* Tổng cộng tất cả các lần cho vay ở trên, bị cáo H phải nộp:

20.164.382 đồng + 2.465.753 đồng + 3.287.671 đồng + 83.881.409 đồng + 960.410.958 đồng + 641.095 đồng + 20.328.767 đồng + 821.917 đồng + 5.082.191 đồng = 1.097.084.143 đồng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp:

- Anh Kh: 150.000.000 đồng, đã nộp 134.466.000 đồng, còn phải nộp tiếp 15.534.000 đồng.

- Anh H2: 400.000.000 đồng, đã nộp 379.288.000 đồng. Còn phải nộp tiếp: 20.712.000 đồng

- Anh M: 150.000.000 đồng + 50.000.000 đồng = 200.000.000 đồng.

- Anh Th: 30.000.000 đồng.

- Anh H: 50.000.000 đồng.

* Cơ quan điều tra đã tạm giữ: 01 đăng ký xe ô tô, 01 giấy chứng nhận kiểm định của xe ô tô biển số 98A-171.68 và 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, loại Tucson, biển số 98A-171.68; 01 đăng ký xe ô tô, 01 giấy chứng nhận kiểm

định của xe ô tô biển số 30A-091.31 và 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota, loại Corolla, biển số 30A-091.31. Quá trình điều tra xác định chiếc xe ô tô biển số 98A-171.68 thuộc sở hữu của anh Hoàng Văn Kh, sinh năm 1969 trú tại TDP T, thị trấn T, huyện Y cho Nguyễn Văn H2 mượn, chiếc xe ô tô biển số 30A-091.31 thuộc sở hữu của anh Nguyễn Đức Th, sinh năm 1984 trú Th, xã Tr, huyện L nên ngày 03/5/2022, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe ô tô và giấy tờ xe ô tô cho chủ sở hữu; trả lại 01 chứng M thư nhân dân và 01 giấy phép lái xe cho Thân Văn Q là có căn cứ.

* Số vật chứng còn lại gồm: 01 chứng M thư nhân dân mang tên Vi Văn T1, sinh năm 1989, trú tại Ngh, huyện L, tỉnh Bắc Giang; 01 chứng M thư nhân dân mang tên Phan Đức C, trú tại xã Ch, huyện L, tỉnh Bắc Giang; 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 98F1-186.52 mang tên Lê Công U, sinh năm 1957, trú tại xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; 01 chứng M thư nhân dân mang tên Lê Công U, sinh năm 1957 trú tại xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang biển kiểm soát 98F1- 312.59 mang tên Hoàng Văn D, sinh năm 1993, trú tại Th2, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Số vật chứng trên không liên quan đến việc phạm tội, nên cần trả lại cho chủ sở hữu.

[10] Về các nội D khác:

- Bị cáo H đã cho những người sau đây vay tiền: Chị Nguyễn Thùy D, anh Nguyễn Văn V, anh Nguyễn Đức C, anh Phan Đình H3, anh Vũ Anh T1, anh Giáp Văn T1 và anh Lê Văn Ch. Hiện tại những người này đều vắng mặt tại đại phương, không rõ đại chỉ ở đâu, nên Cơ quan điều tra chưa tiến H ghi lời khai của họ để làm rõ, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau là phù hợp. Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án xác định đây là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy rằng họ không liên quan trong vụ án này; do đó Hội đồng xét xử không xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này và không cần thiết phải đưa họ vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

- Đối với khoản tiền H cho anh Nguyễn Văn Khoa vay 100.000.000 đồng, H không tính lãi, nên không xem xét H vi này.

- Đối với Lê Văn T, quá trình điều tra chưa đủ căn cứ xác định T đồng phạm với Đỗ Văn H về H vi cho vay lãi nặng đối với khoản vay của anh Nguyễn Văn Kh và anh Nguyễn Văn H2. Mặt khác, số tiền thu lời bất chính của hai khoản vay trên là 28.479.355 đồng. Do vậy, H vi của Lê Văn T không cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"; T đã nhận của H 6.000.000 đồng. Tất cả những H vi này của T đã bị xử lý H chính. Mặt khác H

đã bị buộc nộp lại số tiền thu lợi bất chính, trong đó có 6.000.000 đồng đưa cho T. Nên không có căn cứ buộc T phải nộp lại số tiền trên.

- Trong vụ án này, H khai H và Thân Văn Q có bàn bạc, thỏa thuận để Q giới thiệu anh Nguyễn Văn Kh và anh Nguyễn Văn H2 đến vay tiền của H với lãi suất cao, H đã trả cho Q số tiền 2.250.000 đồng (là tiền môi giới). Anh Q không thừa nhận nội D trên. Cơ quan điều tra đã cho H và anh Q đối chất nH2 các bên giữ nguyên lời khai. Do đó, không có căn cứ để xử lý đối với Q về H vi "cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

- Đối với Nguyễn Văn H2 và Nguyễn Văn Kh có H vi mượn xe ô tô của anh Hoàng Văn Kh và anh Nguyễn Đức Thịnh sau đó mang đi cầm cố nH2 được sự đồng ý của chủ sở hữu nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với Nguyễn Văn H2 và Nguyễn Văn Kh về H vi này là đúng qui định.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm;

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 2 và khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 và khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn H 09 (chín) tháng tù về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Tổng hợp hình phạt tù của bản án này với hình phạt 03 năm 06 tháng tù tại Bản án số: 44/2022/HSST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện L. Buộc bị cáo phải chấp H hình phạt chung cho cả 2 bản án là 4 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam theo bản án số 57/2022/HSST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện L là ngày 13/4/2022; được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 30/12/2017 đến ngày 05/01/2018 (06 ngày) của Bản án số: 55/2018/HSST ngày 02/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang

Phạt tiền bị cáo: 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng: Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

* Trả lại cho chủ sở hữu các giấy tờ sau:

- Cho anh Vi Văn T1 01 chứng M thư nhân dân mang tên Vi Văn T1;
- Cho anh Phan Đức C 01 chứng M thư nhân dân mang tên Phan Đức C;
- Cho anh Lê Công U: 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 98F1-186.52 mang tên Lê Công Úy và 01 chứng M thư nhân dân mang tên Lê Công U;
- Cho anh Hoàng Văn D: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang biển kiểm soát 98F1- 312.59 mang tên Hoàng Văn D.

* Buộc bị cáo Đỗ Văn H phải nộp lại 1.097.084.143 đồng (một tỷ không trăm chín mươi bảy triệu không trăm tám mươi tư ngàn một trăm bốn mươi ba đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

* Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp lại số tiền sau để sung công quỹ Nhà nước:

- Anh Nguyễn Văn Kh phải nộp 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Xác nhận anh Kh đã nộp 134.466.000 đồng theo biên bản chuyển vật chứng ngày 30/9/2022 giữa Công an huyện L và Chi cục Thi H án dân sự huyện L. Anh Kh còn phải nộp tiếp 15.534.000 đồng (M lăm triệu năm trăm ba mươi tư ngàn đồng).

- Anh Nguyễn Văn H2 phải nộp 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng). Xác nhận anh H2 đã nộp 379.288.000 đồng theo biên bản chuyển vật chứng ngày 30/9/2022 giữa Công an huyện L và Chi cục Thi H án dân sự huyện L. Anh H2 còn phải nộp tiếp: 20.712.000 đồng (hai mươi triệu bảy trăm M hai ngàn đồng).

- Anh Lương Ngọc M phải nộp 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

- Anh Phạm Văn Th phải nộp: 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

- Anh Trương Văn H phải nộp 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

* Buộc bị cáo Đỗ Văn H phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền sau:

- Trả cho anh Thân Văn Q: 2.335.618 đồng (hai triệu ba trăm ba mươi lăm ngàn sáu trăm M tám đồng);

- Trả anh Nguyễn Văn Kh: 15.534.246 đồng (M lăm triệu năm trăm ba mươi tư ngàn hai trăm bốn mươi sáu đồng);

- Trả anh Nguyễn Văn H2: 20.712.232 đồng (hai mươi triệu bảy trăm M hai ngàn hai trăm ba mươi hai đồng);

- Trả anh Lương Ngọc M: 37.259.589 đồng (ba mươi bảy triệu hai trăm năm mươi chín ngàn năm trăm tám mươi chín đồng);

- Trả anh Lâm Văn H3: 46.589.040 đồng (bốn mươi sáu triệu năm trăm tám mươi chín ngàn không trăm bốn mươi đồng);

- Trả anh Phạm Văn Th: 2.058.905 đồng (hai triệu không trăm năm mươi tám ngàn chín trăm linh năm đồng) ;

- Trả anh Phạm Văn M: 2.671.233 đồng (hai triệu sáu trăm bảy mươi một ngàn hai trăm ba mươi ba đồng);

- Trả anh Trương Văn H 3.678.082 đồng (ba triệu sáu trăm bảy mươi tám ngàn không trăm tám mươi hai đồng);

- Trả anh Phạm Văn B: 1.417.809 đồng (một triệu bốn trăm M bảy ngàn tám trăm linh chín đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi H án có đơn đề nghị thi H án hoặc cơ quan Thi H án chủ động ra quyết định thi H án, mà người phải thi H án không thi H hoặc thi H không đầy đủ số tiền phải thi H thì người phải thi H án còn phải chịu tiền lãi với số tiền chưa thi H theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi H theo qui định tại Điều 2 Luật Thi H án dân sự thì người được thi H án dân sự, người phải thi H án dân sự có quyền thoả thuận thi H án, quyền yêu cầu thi H án, tự nguyện thi H án hoặc bị cưỡng chế thi H án theo qui định tại các Điều: 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi H án dân sự; thời hiệu thi H án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi H án dân sự (tiền án phí không tính lãi).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đỗ Văn H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí HSST.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Báo cho bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kết từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- VKSND huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Công an huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã T, huyện L;
- Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Dương Thế Vinh